Tương lai kinh tế Việt Nam nhìn từ đại dịch

Trần Văn Thọ

Tóm tắt:

Trong tương lai với tiền đề mọi người sẽ phải sống chung với đại dịch, kinh tế thế giới sẽ phải thay đổi và tư duy phát triển của Việt Nam cũng phải khác với các lý luận đã có. Các quan hệ như tập trung và phân tán, đô thị và nông thôn, công nghiệp và nông nghiệp, nội địa và toàn cầu hóa, truyền thống và hiện đại sẽ chuyển theo hướng khác hoặc có điều chỉnh so với những gì đã thấy trong quá khứ.

Về tương lai Việt Nam, trong tư duy phát triển mới, nông, công nghiệp và dịch vụ hầu như đồng thời phát triển. Vấn đề đô thị hóa và phát triển nông thôn phải được đặt lại theo hướng mới: phát triển nông nghiệp kết hợp với công nghiệp thực phẩm và xây dựng hạ tầng kinh tế và văn hóa, nông thôn sẽ giữ lại một lực lượng lao động và dân số nhất định. Việt Nam sẽ không quá tập trung vào hai thành phố lớn như hiện nay mà sẽ phân tán đến nhiều thành phố cỡ trung và nhỏ ở khắp nước. Công nghệ thông tin, kỹ thuật số, tự động hóa là trọng tâm của thời đại sắp tới làm thay đổi phương thức lao động và làm nhiều người thất nghiệp. Thêm vào đó, đại dịch sẽ làm tăng thành phần yếu thế trong xã hội. Nhà nước sẽ phải quan tâm đến việc bảo đảm năng lực tối thiểu về kỹ thuật số, tiến hành các biện pháp chia sẻ công việc, và bảo đảm thu nhập cơ bản cho tầng lớp khó khăn.

Bằng các chính sách chuyển dịch cơ cấu và đào tạo lao động theo hướng mới, kinh tế Việt Nam sẽ phát triển nhanh trong thập niên tới. Việt Nam sẽ có vị trí và tiếng nói quan trọng hơn trên vũ đài thế giới. Nhưng uy tín, giá trị của Việt Nam không phải chỉ ở mặt đó. Trong thời đại mới với khả năng đại dịch sẽ tái phát, nếu Việt Nam xây dựng được một đất nước theo tư duy mới, mô hình mới và trên cơ sở một xã hội nhân văn thì người Việt Nam sẽ hạnh phúc hơn và thế giới sẽ tham khảo mô hình phát triển của ta.

Mở đầu

Năm 2020 là năm chẵn kỷ niệm nhiều sự kiện lịch sử quan trọng của Việt Nam. Đặc biệt đây là năm kỷ niệm 75 năm Quốc khánh 2/9. Đối với quá trình phát triển của một đất nước, thời gian 75 năm là rất dài. Thông thường nếu hoàn toàn ở trong thời bình và có chiến lược, chính sách đúng đắn thì chỉ cần 60 năm để một nước chậm tiến vươn lên địa vị của một nước tiên tiến. Sau 1945, một số nước ở Á châu đã thực hiện quá trình vươn lên đó trong thời gian ngắn hơn, chỉ độ 40 năm.

Việt Nam ta từ 1945 đến nay, chiến tranh và đường lối phát triển sai lầm trước *đổi mới* đã làm mất đi hơn 40 năm, khoảng 30 năm gần đây mới thực sự bước vào quá trình phát triển. Kinh tế Việt Nam đã đạt mức thu nhập trung bình thấp từ năm 2008. Từ đó chúng ta bàn luận làm sao để phát triển thành nước trung bình cao và sau đó tiếp tục vươn lên thành nước tiên tiến. Để phác họa con đường phát triển tương lai, cho đến gần đây, chúng ta thường tham khảo kinh nghiệm các nước đi trước, và dựa trên các khung mẫu lý luận đã được xác lập, dĩ nhiên có tính toán đến những thay đổi về khoa học, công nghệ, về địa chính trị, về phân công quốc tế, v.v..

Nhưng đại dịch Cocid-19 đã làm thay đổi tất cả. Ta phải thay đổi tư duy phát triển và vẽ ra một viễn ảnh mới về tương lai Việt Nam. Mục đích của bài viết này là nhằm vẽ ra viễn ảnh kinh tế Việt Nam trong thập niên 2020 và xa hơn. Tiết I bàn về trào lưu mới của kinh tế thế giới với tiền đề con người phải tiếp tục đối diện với dịch bệnh dù ở những mức độ khác nhau theo từng thời kỳ. Trên tiền đề đó, Tiết II phác họa hướng phát triển mới của Việt Nam trong 10 năm tới hoặc trong một tương lai xa hơn. Tiết III bàn chi tiết và cụ thể hơn về chiến lược, chính sách phát triển của Việt Nam trong thập niên 2020.

I. Thế giới Hậu Corona hay Với Corona?

Hiện nay chúng ta chưa biết bao giờ sẽ chấm dứt đại dịch Corona, bao giờ sẽ có vaccine để trị dịch và ngăn ngừa lây nhiễm. Thế giới sẽ bước vào giai đoạn Hậu Corona (Post Corona) hay thế giới sẽ phải sống chung với Corona (With Corona)?

Dù tính bất xác định còn cao, chưa biết tình hình sẽ triển khai theo hướng nào, nhưng có hai điều hầu như chắc chắn.

Một là, dù đại dịch lần nầy có thể khắc phục nhưng trong tương lai rất có thể sẽ xảy ra các nạn dịch khác. Cho đến nay loài người đã chứng kiến 4 lần đại dịch (thế kỷ 14, thế kỷ 15, năm 1918 và 2020) và nhiều lần khác với quy mô nhỏ hơn. Do đó ngay từ bây giờ chúng ta phải chủ động thiết kế một xã hội có thể sống chung với dịch. Ta phải tích cực tìm ra sự chuyển hoán mới chứ không nên mong tình thế trở lại bình thường như trước.

Hai là, qua đại dịch lần nầy chúng ta thấy được thế nào là một xã hội nhân văn, thế nào là cuộc sống chất lượng cao, một phương thức làm việc hợp lý, v.v..

Ở một số phương diện, một số giá trị truyền thống đã thay đổi trong quá trình hiện đại hóa nay cần được khơi dậy trở lại. Trong quá trình phát triển của một nước, khi còn ở giai đoạn chủ yếu là nông nghiệp, làng xóm là đơn vị sinh hoạt chính của người dân, tinh thần tương thân tương trợ, tình làng nghĩa xóm làm cho mọi người gắn bó, giúp đỡ nhau. Đó là một loại bảo hiểm xã hội phi chính thức. Khi chuyển sang công nghiệp hóa, đô thị hóa, quan hệ láng giềng và tinh thần tương trợ giảm đi nhiều, thay

vào đó mọi người dựa vào các chế độ chính thức như quỹ bảo hiểm xã hội và dịch vụ công. Nhưng trong một nước còn ở giai đoạn phát triển trung bình, một bộ phận lớn trong dân chúng chưa có khả năng tham gia bảo hiểm xã hội, chỉ có thể dựa vào cứu trợ của nhà nước khi đối diện với những khó khăn bất thường. Hơn nữa, trong tình trạng bất thường như thiên tai, dịch bệnh, chế độ cứu trợ chính thức từ nhà nước bị hạn chế, mất rất nhiều thì giờ để xác định đối tượng cũng như phân phát vật phẩm hỗ trợ đến nơi cần giúp. Trong trường hợp nầy cộng đồng xã hội, tính tương thân tương trợ đóng vai trò bổ sung quan trọng. Trong thời đại mới, truyền thống nầy trở thành quan trọng trở lại.

Tổng hợp các yếu tố liên quan hai điểm trên, chủ động phác họa một xã hội lý tưởng, thích nghi với khả năng dịch bệnh tái phát và dựa trên những thay đổi về công nghệ, có thể nêu ra viễn ảnh của thế giới trong tương lai như sau:

Thứ nhất, tính chất "tập trung" của hoạt động kinh tế, xã hội có hiệu quả làm tăng hiệu suất nhưng sẽ phải thay đổi để đối phó với dịch bệnh. Đô thị hóa, tập trung dân số sẽ chững lại hoặc phân tán về các địa phương. Trong tương lai, "tập trung vừa phải", qui mô vừa phải sẽ là hình mẫu của đô thị. Việc tiếp xúc giữa người vơi người phải bị hạn chế nên các ngành dịch vụ có tính cách tập họp đông người như vui chơi, ca nhạc, hội thảo, sẽ phải giảm hoặc chuyển sang hình thực "từ xa".

Thứ hai, phương thức làm việc sẽ thay đổi. Sẽ ngày càng có nhiều công việc, nhiều người làm việc tại nhà. Trên phạm vi quốc tế, người ở nước nầy có thể quản lý công việc tại nước khác, làm giảm nhu cầu di chuyển. Công nghệ thông tin, kỹ thuật số phát triển giúp cho phương thức làm việc tại gia, tại nơi mình ở thực hiện dễ dàng.

Từ nhiều năm trước khi có đại dịch đã có dự đoán công nghệ thông tin sẽ phát triển ngày càng mạnh làm cho con người không cần di chuyển mà *dịch vụ* lao động có thể di chuyển từ nước nầy sang nước khác. Chẳng hạn công nghệ thúc đẩy hiện diện từ xa (telepresence) giúp tổ chưc các hội nghị trực tuyến, giảm hội họp quốc tế theo phương pháp trước đây là mặt đối mặt (face-to-face). Người máy được điều khiển từ xa (telerobotics) sẽ giúp công nhân ở nước A điều khiển người máy ở nước B trong các dịch vụ ở khách sạn hay tư gia (lau chùi cửa kính, quét dọn phòng, v.v..) mà không phải xuất khẩu lao động như hiện nay.[1] Với ảnh hưởng của đại dịch, khuynh hướng phát triển công nghệ theo nội dung nầy sẽ được xúc tiến mạnh mẽ hơn nữa.

Thứ ba, trong mùa có dịch, cùng với số lượng lao động làm việc tại gia ngày càng đông, người lãnh lương hưu, người được người thân phù dưỡng và nhiều người khác sẽ sinh hoạt ở nhà. Nhưng xã hội vẫn phải cần những người lao động làm việc ở bệnh viện và các cơ sở sản xuất. Đó là những lao động thuộc loại thiết yếu (essential

[1] Về tương lai của telepresence và telerobotics, xem Baldwin (2016), Ch. 10.

workers) như bác sĩ/nhân viên y tế, lao động sản xuất thực phẩm, nhân viên làm việc trong siêu thị, trong hoạt động lưu thông, giao thông, chuyên chở. Đó là những người dấn thân vì cộng đồng, xã hội cần có biện pháp khích lệ và biết ơn họ.

Thứ tư, trong thời đại phải sống chung với dịch bệnh, sẽ có nhiều người do tính chất của nghề nghiệp họ không thể làm việc tại gia nhưng không thuộc loại lao động thiết yếu nói ở trên nên phải chịu thất nghiệp hoặc thu nhập rất thấp. Ngoài ra, để đối phó với dịch bệnh, khuynh hướng dùng robot để thay thế lao động sẽ mạnh hơn nữa, số người thất nghiệp sẽ tăng hơn. Trước khi có đại dịch, McKinsey Global Institute (2017) đã ước tính là cho đến năm 2030 sẽ có độ 60% trong tổng số các ngành nghề sẽ bị ảnh hưởng vì tự động hóa, trong đó mức độ ảnh hưởng là 30% (của những yếu tố cấu thành trong mỗi nghề nghiệp). Cũng theo nghiên cứu nầy, cho đến năm 2030 ước tính sẽ có độ 375 triệu (14% trong tổng lao động toàn cầu) sẽ phải tự đào tạo hoặc được đào tạo lại để chuyển nghề. Nếu chậm trễ trong việc chuyển đổi nầy, tình trạng thất nghiệp sẽ tăng.[2] Sau khi đại dịch lan truyền, vào tháng 6/2020, công ty tư vấn McKinsey lại thực hiện cuốc điều tra đối với 800 lãnh đạo doanh nghiệp ở 9 nước (Mỹ, Canada, Úc, Đức, Pháp, Anh, Tây Ban Nha, Trung Quốc, Ấn Độ), kết quả cho thấy khuynh hướng tự động hóa (automation) và số hóa (digitization) sẽ được tiến hành mạnh mẽ hơn và cơ cấu cung cầu lao động sẽ thay đổi mạnh (McKinsey Global Institute, 2020). Các công ty sẽ giảm lao động chính thức, gắn kết lâu dài, mà thay vào đó tăng lao động làm khoán (contractors) ngắn hạn và lao động đồng thời làm việc cho nhiều công ty theo các nhu cầu khác nhau (gig workers).

Nhìn chung, trong dài hạn các nước phải đối phó bằng các chính sách đào tạo lại lao động, phát triển các ngành thu hút hút lao động mới, v.v. nhưng sẽ không tránh được tình trạng làm cho nhiều ngươi phải rớt xuống dưới giới tuyến nghèo. Chúng ta phải nghĩ đến biện pháp tái phân phối thu nhập để cứu giúp những lao động không thiết yếu và người thất nghiệp do công nghệ robots gây ra. Chẳng hạn nhà nước đưa ra chính sách cung cấp thu nhập cơ bản (basic income) cho tất cả mọi người ở dưới giới tuyến nghèo.[3]

Thứ năm, thực phẩm và hàng hóa liên quan y tế sẽ trở thành thiết yếu hơn trước. Vì an ninh quốc gia, các nước sẽ ngày càng ưu tiên cung cấp cho các nhu yếu phẩm nầy. Chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa ưu tiên nước mình mà một số nước gần đây đã áp dụng sẽ có khuynh hướng mạnh hơn, ít nhất là đối với những sản phẩm thiết yếu, liên

---

[2] Có 46 nước (chiếm độ 90% GDP toàn cầu) được chọn làm đối tượng cho nghiên cứu nầy. Các nước đang phát triển ảnh hưởng ít hơn vì tiền lương còn thấp.

[3] Tại nhiều nước, nhất là các nước tiên tiến, đã có chế độ bảo hiểm xã hội, trợ cấp ý tế, trợ cấp thất nghiệp, v.v.. Chính sách cung cấp thu nhập cơ bản (basic income) sẽ bao gồm tất cả các trợ cấp đó nhưng triệt để hơn và bảo đảm mức sống tối thiểu của mọi người trong nước. Một khái niệm tương tự là dịch vụ cơ bản (basic service) theo đó chính phủ cung cấp miễn phí cho mọi người dân (kể cả người không có khả năng đóng thuế) những dịch vụ thiết yếu như y tế, giáo dục cơ bản, bảo hiểm thất nghiệp, v.v.

quan an ninh quốc gia.

Thứ sáu, cùng với điểm thứ năm vừa nói, nhiều yếu tố khác cũng làm cho khuynh hướng toàn cầu hóa yếu. Nói chung kinh tế các nước gặp khó khăn sẽ không tích cực trong hội nhập. Từ sau khủng hoảng tiền tệ thế giới năm 2008, khuynh hướng toàn cầu hóa đã chững lại. Các chỉ tiêu chính như tỉ lệ của xuất khẩu hoặc kim ngạch đầu tư trực tiếp (FDI) trên GDP toàn cầu đã giảm nhiều vào năm 2017, so với năm 2007. Chẳng hạn tổng kim ngạch xuất khẩu toàn cầu trên tổng GDP của thế giới từ năm 1993 đến 2007 tăng từ 18% lên 32% nhưng sau đó chững lại chỉ còn 29% vào năm 2017. Dòng chảy đầu tư trực tiếp (FDI) trên GDP của thế giới giảm mạnh, từ 5.5% năm 2007 xuống còn 1,5% năm 2018. [4] Dịch bệnh Corona có khuynh hướng làm yếu toàn cầu hóa. Lưu thông hàng hóa, dịch chuyển lao động bị hạn chế. Đặc biệt lao động giản đơn di chuyển phải tập trung tại các cơ sở sản xuất nên dễ lây bệnh. Để tránh rủi ro đó, các nước thiếu lao động sẽ tích cực dùng người máy trong những lãnh vực có thể dùng được thay vì nhập khẩu lao động. Công nghệ thông tin trong gần 30 năm qua đã thúc đẩy toàn cầu hóa (vì giảm chi phí kết nối quốc tế, chi phí di chuyển của chuyên viên, quản lý trên qui mô toàn cầu) nhưng dưới ảnh hưởng của đại dịch bây giờ sẽ chuyển sang giai đoạn làm yếu toàn cầu hóa vì, như đã nói ở trên, các công cụ như telepresence sẽ làm cho các dịch vụ, quản lý có thể thực hiện từ xa, không cần di chuyển lao động.

Ngoài ra, trước sự trỗi dậy và tham vọng làm bá chủ thế giới của Trung Quốc, không phải chỉ có Mỹ mà nhiều nước khác nhử Úc, Nhật ngày càng nhân mạnh an ninh kinh tế làm cho hệ thống mậu dịch quốc tế bị ảnh hưởng, khuynh hướng bảo hộ mậu dịch mạnh hơn. Khuynh hướng hạn chế xuất khẩu những mặt hàng thiết yếu liên quan an ninh lương thực, an ninh y tế sẽ mạnh.

II. Con đường phát triển của Việt Nam trong thời dại mới

Trong thời đại mới như phác họa ỏ trên, tư duy phát triển của Việt Nam phải như thế nào?

Theo tư duy cũ, con đường phát triển của một nước chuyển từ nông nghiệp sang công nghiệp và sau đó sang thời đại hậu công nghiệp trong đó các ngành dịch vụ giữ vai trò chủ đạo. Trong công nghiệp lại có các giai đoạn từ công nghiệp nhẹ sang công nghiệp nặng và công nghiệp có hàm lượng chất xám, hàm lượng trí tuệ cao. Trong quá trình phát triển đó, đô thị hóa và tập trung dân số, tập trung hoạt động kinh tế ngày càng mạnh. Theo suy nghĩ nầy thì Việt Nam hiện nay đang ở trình độ giữa thu nhập trung bình thấp và trung bình cao, công nghiệp đang chuyển từ nhẹ sang nặng, và độ

[4] Theo tư liệu của Ngân hàng Thế giới.

15 năm nữa sẽ dần dần bước qua thời đại hậu công nghiệp.

Tuy nhiên thời đại sống chung với Corona cùng với sự lớn mạnh của kinh tế số sẽ làm đảo lộn trật tự phát triển của tư duy cũ. Với tư duy mới, con đường phát triển của Việt Nam trong tương lai có thể phác họa như sau:

Thứ nhất, nông, công và dịch vụ hầu như phải đồng thời phát triển, không theo tuần tự như tư duy cũ. Nông ngư nghiệp phải được coi trọng hơn và kết hợp với công nghiệp, với kinh tế số và một số ngành dịch vụ (lưu thông, phân phối, tiếp thị, v.v..) để hiện đại hóa. Việt Nam có lợi thế về tài nguyên nông ngư nghiệp, nên được tận dụng theo hướng hiện đại hóa sẽ vừa bảo đảm an ninh lương thực cho 100 triệu dân (khoảng 110 triệu vào năm 2045) vừa xây dựng thành mặt hàng xuất khẩu chủ lực, cung cấp thực phẩm chất lượng cao cho thế giới.

Thứ hai, phải đặt lại vấn đề đô thị hóa và phát triển nông thôn. Nếu tiền đề là dịch bệnh còn kéo dài hoặc chấm dứt nhưng về lâu dài có khả năng tái phát thì phải xây dựng đô thị theo mô hình khác với tư duy cũ. Mật độ dân số phải thấp hơn, đường sá rộng rãi hơn, công viên nhiều hơn. Phương tiện giao thông công cộng như tàu điện, xe buýt cũng phải thiết kế theo hướng giãn cách xã hội. Ngoài ra cần khuyến khích mọi người dùng xe đạp trong thành phố. Việt Nam có nhiều thành phố cỡ trung và nhỏ nằm rãi rác khắp nước, nhất là ven biển, nên nếu được đầu tư xây dựng theo hướng mới, dân số sẽ phân tán từ Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh về các thành phố cỡ trung và nhỏ nầy. Trong quá trình chú trọng phát triển nông nghiệp kết hợp với công nghiệp thực phẩm và xây dựng hạ tầng kinh tế và văn hóa, nông thôn sẽ giữ lại một lực lượng lao động và dân số nhất định. Tóm lại đây là chiến lược phân tán và không quá tập trung vào một vài đô thị.

Thứ ba, công nghệ thông tin, kỹ thuật số, tự động hóa là trọng tâm của thời đại sắp tới làm thay đổi phương thức lao động (ngày càng tăng hình thức làm việc tại nhà, quản lý từ xa,…) và làm phát sinh chênh lệch giữa người dân trong việc tiếp cận với kỹ thuật, công nghệ mới và thích ứng với hoàn cảnh mới. Giáo dục từ xa cũng sẽ phổ biến hơn (nhất là trong mùa dịch) và sẽ gây tình trạng bất bình đẳng giữa gia đình có và không có điều kiện tham gia. Nhà nước sẽ phải có biện pháp trợ giúp, và cải cách nội dung giáo dục, đào tạo theo hướng làm cho tất cả mọi người dân đều có điều kiện tham gia và có năng lực tối thiểu về kỹ thuật số (digital minimum).

Thứ tư, tự động hóa làm cho sản xuất công nghiệp và dịch vụ ngày càng ít dùng lao động. Mặt khác, để tránh rủi ro bệnh dịch lan truyền khi có tập trung lao động, các nước thiếu lao động cũng sẽ tìm cách đẩy mạnh tự động hóa và hạn chế nhập khẩu lao động. Việt Nam sẽ trực diện áp lực tạo công ăn việc làm cho một đất nước 100 triệu dân nên sẽ phải nghiên cứu một hình thức chia sẻ công việc (work sharing) trong đó người có công việc giảm giờ làm và giảm thu nhập để nhiều người khác có thể tham

gia lao động. Giải quyết tốt việc làm cũng sẽ làm cho Việt Nam sớm chấm dứt xuất khẩu lao động, một biểu hiện của giai đoạn phát triển thấp và không đáng tự hào. Ngoài ra, cần biện pháp vinh danh và đãi ngộ tốt hơn đối với lao động thiết yếu, nhất là trong lãnh vực y tế. Việt Nam cũng cần nghiên cứu từng bước áp dụng chính sách bảo đảm thu nhập cơ bản (basic income) đã đề cập ở phần trước.

Thứ năm, những từ khóa *năng lực tối thiểu về kỹ thuật số, chia sẻ công việc,* và *bảo đảm thu nhập cơ bản* nói ở trên tự nó nói lên sự quan tâm đến những người yếu thế trong xã hội. Khi có dịch bệnh sẽ phát sinh nhiều người khác cần sự trợ giúp nữa. Một xã hội nhân văn dựa trên tinh thần tương thân tương ái sẽ rất cần thiết và Việt Nam phải hướng tới. Để đánh giá một nước văn minh hay không, một trong những tiêu chí quan trọng để phán đoán sẽ là chính sách của chính phủ và thái độ của người dân đối với người yếu thế trong xã hội.

III. Kinh tế Việt Nam trong thập niên 2020: Những tiêu điểm chiến lược cụ thể

Trong thập niên sắp tới, phương hướng phát triển của Việt Nam nên theo nội dung đã trình bày ở phần trước. Với tiền đề đại dịch có thể kéo dài hoặc có thể tái phát, kinh tế Việt Nam sẽ phải phát triển với tốc độ chậm hơn dự kiến. Tuy nhiên Việt Nam còn nhiều dư địa để tăng năng suất, phát triển với tốc độ cao hơn nhiều nước khác. Tiết nầy sẽ bàn về các dư địa đó và nêu ra vài chiến lược cụ thể.

1. Chuyển dịch cơ cấu:.

Có hai mặt quan trọng cần chuyển dịch là cơ cấu lao động và cơ cấu doanh nghiệp.

Thứ nhất là về lao động. Lao động dư thừa trong nông nghiệp còn rất lớn. Còn tới khoảng 35% lao động làm việc trong nông lâm ngư nghiệp (Biểu 1) là khu vực mà năng suất rất thấp. Trong khi đó, công nghiệp hóa còn ở mức thấp (giá trị công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP mới khoảng 16,5% vào năm 2019), hơn nữa cơ cấu công nghiệp còn rất mỏng (lắp ráp là chủ đạo, công nghiệp hỗ trợ yếu, Việt Nam còn ở vị trí thấp trong chuỗi giá trị toàn cầu). Vì tính chất nầy, trong thời gian qua, xuất khẩu hàng công nghiệp của Việt Nam tăng rất nhanh nhưng càng xuất khẩu càng phụ thuộc vào sản phẩm trung gian nhập từ nước ngoài, nhất là từ Trung Quốc và Hàn Quốc. Trong thời gian tới phải đẩy mạnh sản xuất thay thế những mặt hàng trung gian đang nhập khẩu. Cùng với nỗ lực theo chiều sâu nầy, công nghiệp hóa cũng cần được đẩy mạnh theo diện rộng (tạo môi trường thông thoáng để doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư vào những ngành công nghiệp mới), và kết quả là lao động dư thừa ở nông thôn, ở khu vực nông nghiệp sẽ dịch chuyển nhanh chóng sang khu vực công nghiệp, đưa năng suất toàn xã hội lên cao. Hiện nay Việt Nam đang có thời cơ trước làn sóng FDI mới do chiến tranh kinh tế Mỹ Trung và dịch Covid 19 mang lại. Cần có

chính sách định hướng và thu hút có chọn lọc dòng thác mới FDI nầy để đẩy mạnh công nghiệp hóa,[5] thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động.

Đó là hướng chuyển dịch cơ cấu lao động. Tuy nhiên, như đã phân tích ở phần trước, trong tương lai vai trò của nông ngư nghiệp sẽ ngày càng quan trọng. Việt Nam cần kết hợp nông ngư nghiệp với công nghiệp. Công nghiệp góp phần hiện đại hóa nông ngư nghiệp và liên kết hình thành các chuỗi cung ứng hàng công nghiệp chế biến nông thủy sản. Trong thời đại mới có những đặc tính trình bầy ở Tiết I và II, nông thôn phải được chú trọng phát triển hơn, chuyển dịch lao động sang các ngành ngoài nông nghiệp nhưng tốc độ dịch chuyển từ nông thôn về đô thị sẽ không cao như trong tư duy phát triển cũ.

Dân số Việt nam năm 2019 là 96,5 triệu[6], trong đó dân số ở nông thôn là 62,7 triệu (chiếm 65%). Tỉ lệ đô thị hóa dân số năm 2019 là 35% so với 30% năm 2010. Trong tương lai dân số sẽ tập trung về đô thị hơn nữa nhưng với tốc độ chậm hơn và cần có chính sách phát triển các đô thị cỡ trung ở khắp nước để dân số không tập trung về Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

Biểu 1 Cơ cấu lao động có việc làm tại VN (%)

	2005	2010	2016	2019
TỔNG SỐ	100.0	100.0	100.0	100
Nông lâm ngư	55.1	49.5	41.9	34.5
Chế tạo	11.8	13.5	16.6	20.7
Điện lực, Xây dựng	5.2	6.8	7.7	9.1
Khoa học, Giáo dục, Nghệ thuật	3.5	4.3	4.7	4.1
Hành chính	4.2	3.6	3.7	3.4
Dịch vụ liên quan sản xuất	14.5	15.2	16.9	18.9
Dịch vụ liên quan cá nhân	4.9	6.4	8.1	8.3

Nguồn: Tính từ tư liệu của Tổng cục thống kê. Số năm 2019 là sơ bộ.

Thứ hai là về cơ cấu doanh nghiệp. Khu vực phi chính thức (chủ yếu là kinh tế cá thể) còn chiếm tới 30% GDP (Biểu 2). Đây là khu vực có năng suất rất thấp. Mặt khác, doanh nghiệp tư nhân (chiếm độ 10% GDP) cũng phần lớn là nhỏ bé, luôn ở vị trí bất lợi trong thị trường các yếu tố sản xuất như vốn, đất đai. Khu vực phi chính thức hay kinh tế cá thể và doanh nghiệp tư nhân là những bộ phận chủ yếu của kinh tế ngoài nhà nước, hầu hết có quy mô quá nhỏ, năng suất thấp vì không có khả năng cách tân công nghệ (vì quá nhỏ nên không có năng lực du nhập công nghệ, không đổi mới thiết

[5] Điểm nầy đã được bàn chi tiết trong Trần Văn Thọ (2020b).

[6] Dân số là khái niệm về số lượng tồn tại (stock) tại một thời điểm (chẳng hạn đầu năm, cuối năm,..) nên khi nói dân số năm 2019 phải nói rõ là vào thời điểm nào. Rất tiếc trong Niên giám thông kê không thấy ghi rõ.

bị, không đầu tư lớn), kết quả là không có năng lực kết nối được với chuỗi giá trị toàn cầu của các công ty đa quốc gia. Theo Ohno et al. (2020), năng suất của khu vực ngoài nhà nước ở Việt Nam vào năm 2015 chỉ độ 30 triệu VNĐ trên một lao động (theo giá cố định 2010), trong khi năng suất của khu vực kinh tế nhà nước và khu vục có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) là 200 triệu VNĐ.

Phần lớn doanh nghiệp Việt Nam hiện nay có quy mô rất nhỏ và siêu nhỏ vì môi trường kinh doanh khó khăn (phí tổn hành chánh quá lớn) và khó tiếp cận với vốn và đất để đầu tư. Cần cải cách hành chánh để giảm xin cho, giảm kiểm tra và hoàn thiện thị trường vốn, thị trường đất đai. Việc nầy đã được bàn luận nhiều nhưng tiến triển chậm. Nếu có khát vọng phát triển phải khẩn trương cải cách các lãnh vực này. Ngoài hoàn thiện cơ chế thị trường cần các biện pháp chính sách hỗ trợ cụ thể hơn. Bộ máy phụ trách doanh nghiệp nhỏ và vừa ở trung ương và địa phương phải phát huy chức năng hỗ trợ, hướng dẫn các doanh nghiệp nhỏ, vừa, siêu nhỏ trong việc vay vốn, tìm đối tác, phương pháp tiếp cận thị trường, tiếp cận công nghệ. Các cơ quan này cũng có vai trò giới thiệu các doanh nghiệp nhỏ và vừa để họ liên kết với các doanh nghiệp lớn, với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Biểu 2 Cơ cấu thành phần kinh tế trong GDP

(theo giá hiện hành, %)

		2010	**2016**	**2019**
GDP		100.0	100.0	100
Kinh tế nhà nước		29.3	28.8	27.1
Ngoài nhà nước		43.0	42.6	42.7
	Tập thể	4.0	3.9	3.6
	Tư nhân	6.9	8.2	9.7
	Cá thể	32.1	30.4	29.4
FDI		15.2	18.6	20.4
Thuế trừ trợ cấp		12.5	10.0	9.9

Nguồn: Tổng cục thống kê. Số liệu năm 2019 là sơ bộ.

Từ các nhận xét trên, ta thấy rất rõ rằng chỉ cần dịch chuyển lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp, từ khu vực cá thể sang khu vực kinh tế hiện đại, có tổ chức ở quy mô lớn thì năng suất lao động của toàn xã hội sẽ tăng lên cao. Dư địa tăng năng suất qua tái phân bổ nguồn lao động là rất lớn.

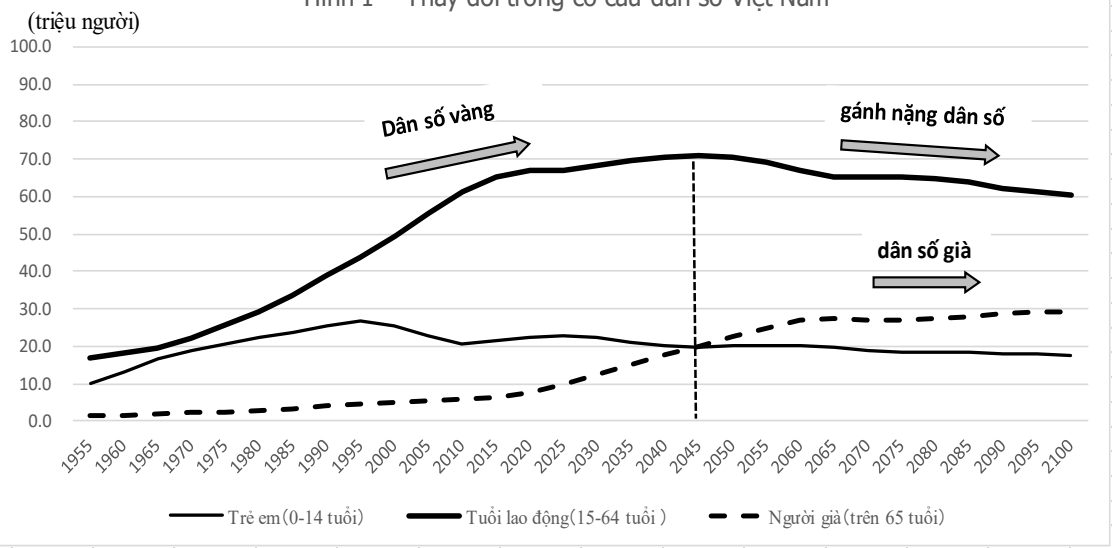
2. Đào tạo nguồn nhân lực theo hướng mới:

Hình 1 được vẽ ra dựa trên dự báo mới nhất của Liên Hiệp Quốc về dân số. Ngẫu

nhiên là vào năm 2045, lúc Việt Nam kỷ niệm 100 năm Quốc khánh, dân số khoảng 110 triệu, số người già (trên 65 tuổi) bắt đầu nhiều hơn số trẻ em (dưới 15 tuổi), và dân số trong tuổi lao động nằm ở giai đoạn cao nhất (khoảng 70 triệu).

Trong quá trình thay đổi cơ cấu dân số của một nước, trước giai đoạn lão hóa là thời đại dân số vàng (demographic bonus, demographic dividend). Dân số vàng chỉ giai đoạn có nguồn lao động dồi dào nhất của một nước. Có nhiều định nghĩa cụ thể (tiêu chí về lượng) để chỉ trạng thái lao động *dồi dào nhất.* Theo như Hình 1 được giải thích như trên thì hiện nay Việt Nam đang ở giai đoạn dân số vàng và giai đoạn này kéo dài đến khoảng năm 2045.[7]

Hình 1 Thay đổi trong cơ cấu dân số Việt Nam



Nguồn: Tác giả tính toán dựa trên thống kê United Nations, *World Population Prospects: The 2020 Revision.*

Ghi chú: Dân số dự báo năm 2030 đến 2100 được mô phỏng theo tỷ lệ sinh so sánh (constant fertility) 2015-2020

Như vậy Việt Nam có một lực lượng lao động phong phú trong một thời gian khá dài trong tương lai. Mấu chốt của chiến lược phát triển ở đây có 2 vế: Một là, toàn dụng lao động để ai cũng có việc làm, không ai bị buộc phải ra nước ngoài tìm việc làm một cách bất đắc dĩ. Trong tương lai, như đã phân tích, với dịch bệnh có thể kéo dài hoặc tái phát, các nước thiếu lao động sẽ nỗ lực tự động hóa và dùng nhiều robots thay vì nhập khẩu nhiều lao động như trước. Chấm dứt xuất khẩu lao động cũng là

[7] Trong Trần V Thọ (2016), Ch. 7, giai đoạn dân số vàng được định nghĩa bắt đầu từ khi tỉ lệ dân số trong độ tuổi lao động (15-64) trên tổng dân số bắt đầu tăng và chấm dứt khi tỉ lệ ấy bắt đầu giảm. Theo cách tính đó thì giai đoạn dân số vàng của Việt Nam kéo dài từ khoảng năm 1975 đến khoảng năm 2020. Theo Hình 1 thì giai đoạn nầy kéo dài thêm 20 năm nữa. Cách tính giai đoạn dân số vàng chỉ có tính cách tương đối, khó chỉ ra một cái mốc cụ thể. Ngoài ra chính sách về dân số, sự thay đổi trong định nghĩa về độ tuổi lao động cũng ảnh hưởng đến thời điểm chấm dứt giai đoạn nầy trong tương lai. Nhìn từ các mặt, có thể nói Việt Nam có nguồn lao động dồi dào trong một thời gian trên dưới 20 năm nữa.

chiến lược Việt Nam phải hướng tới vì hiện tượng nầy phản ảnh trình độ phát triển còn thấp của một nước.[8] Hai là, dịch chuyển lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ, từ khu vực cá thể, phi chính thức sang khu vực tiên tiến với nhiều doanh nghiệp có qui mô lớn.

Sự tiến bộ kỹ thuật trong công nghiệp ngày càng làm giảm nhu cầu lao động trên một đơn bị sản xuất. Do đó, phải tiến hành công nghiệp hóa vừa sâu vừa rộng, kể cả liên kết với nông ngư nghiệp, và phát triển các ngành dịch vụ mới tạo nhiều công ăn việc làm. Tỉ trọng công nghiệp trong GDP ở Việt Nam còn thấp, nhu cầu thực phẩm trên thế giới tăng và nhiều nước phải nhập khẩu là những tiền đề để Việt Nam đẩy mạnh cả công nghiệp hóa và sản xuất lương thực. Hai ngành nầy phát triển mạnh và với qui mô dân số khá lớn, thị trường nội địa cho dịch vụ cũng sẽ lớn. Phát triển đồng thời 3 khu vực nông, công và dịch vụ sẽ dễ đi gần đến toàn dụng lao động và có khả năng chấm dứt xuất khẩu lao động. Đó là viễn ảnh phát triển trong thập niên 2020. Trong tương lai xa hơn, khi công nghiệp hóa bảo hòa (tỉ trọng công nghiệp trên GDP đạt đỉnh cao), tốc độ phát triển kinh tế chậm lại, và công nghệ thay thế lao động triển khai mạnh mẽ hơn, Việt Nam phải dùng đến chính sách chia sẻ công việc (work sharing).

Để quá trình dịch chuyển lao động giữa các khu vực diễn ra song suốt thì phải chú trọng đào tạo nguồn nhân lực. Trong nước thường nói đến những vấn đề to tát như công nghệ 4.0, kinh tế tri thức, v.v...nhưng chưa thấy có triển khai cụ thể, nhất là những vấn đề liên quan nguồn nhân lực. Theo tôi cần có cách tiếp cận thực tế và hiệu quả.

Trong thời đại công nghệ 4.0, nói về người lao động trung cấp trở lên, chỉ cần tạo cho họ có khả năng đọc tiếng Anh, sử dụng máy tính, và quen với việc truy cập internet (chú ý đến việc tạo điều kiện để mọi người có năng lực tối thiểu về kỹ thuật số) . Nhưng đó mới chỉ là năng lực cơ bản. Thêm vào đó cần đào tạo cho họ khả năng suy luận để phân tích, giải quyết vấn đề, và có văn hóa để làm việc có trách nhiệm và ứng xử tốt với người khác. Để tuyệt đại đa số lao động dịch chuyển theo hướng đã phân tích thì đại học đoản kỳ (2 năm) là hiệu quả nhất, vì có thể nhanh chóng cung cấp đủ nguồn nhân lực cho công nghiệp hóa và phát triển các ngành dịch vụ. Tại đại học đoản kỳ, sinh viên học 1 năm văn hóa và 1 năm chuyên môn như kế toán, quản lý du lịch, cao đẳng kỹ thuật, thư ký văn phòng, quản lý trung gian ở nhà máy, v.v... Nhu cầu lao động ở trình độ này rất cao, đào tạo ngắn hạn nên cung cấp ra thị trường nhanh chóng.

Tại Việt Nam hiện nay bậc trung cấp tương đương với đại học đoản kỳ 2 năm nhưng vì tên gọi như vậy không hấp dẫn người đi học và trên thực tế bậc học nầy cũng không

[8] Điểm nầy được phân tích trong Trần Văn Thọ (2016), Ch. 5.

được đầu tư đúng mức. Còn cao đẳng thì mất 3 năm nên tâm lý người đi học muốn vào đại học 4 năm vì chỉ sai biệt có 1 năm. Theo tôi cần sớm chỉnh lý lại hai loại hình nầy và thống nhất thành đại học đoản kỳ 2 năm, bảo đảm chương trình học tốt và có việc làm ngay khi tốt nghiệp sẽ tạo sự hấp dẫn, giải quyết tình trạng nhiều người muốn vào đại học (4 năm) nhưng khi ra trường thì thất nghiệp hoặc phải làm những việc ngoài chuyên môn.

Tình trạng ở Việt Nam hiện nay có thể tóm tắt như sau: Một là, đại học tư mở tràn lan, giới trẻ lại có khuynh hướng muốn vào đại học nên các đại học tư kém chất lượng vẫn thu hút được sinh viên. Nhưng sinh viên loại nầy ra trường sẽ thất nghiệp hoặc làm những việc không cần có bằng đại học. Thứ hai, hệ trung cấp và cao đẳng thật ra rất quan trọng đối với trình độ phát triển và nhu cầu của Việt Nam hiện nay (và cả trong khoảng 10 năm tới) nhưng lại không hấp dẫn giới trẻ vì họ có ấn tượng vào các trường đó là đi học nghề, và không thể có địa vị cao trong xã hội. Hơn nữa, hệ cao đẳng học tới 3 năm, chỉ kém đại học thông thường có 1 năm, nên giới trẻ có khuynh hướng chọn đại học hơn.

Theo tôi, cần cải tổ toàn diện hệ giáo dục trung cấp, cao đẳng, và thêm một hệ đào tạo đặc biệt Cấp III. Cụ thể có thể tóm tắt như sau:

Thứ nhất, trung cấp và cao đẳng hợp nhất thành hệ đại học đoản kỳ 2 năm. Không gọi trung cấp, cũng không gọi là cao đẳng mà là đại học đoản kỳ để cải thiện hình ảnh đối với người học. Thứ hai, cải tổ chương trình học theo hướng hiện đại, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp trong thời đại công nghiệp 4.0 (chú trọng dạy công nghệ thông tin và tiếng Anh). Trong 2 năm, gần 1 năm học văn hóa và hơn 1 năm học chuyên môn. Thứ ba, lập một số trường Cấp III chuyên nghiệp trong đó học sinh vừa học các môn thông thường như trung học phổ thông (nhưng ít hơn) và dành thời gian học ngay vào chuyên môn. Hệ cấp III chuyên nghiệp nầy có thể kéo dài thành 4 năm, thay vì 3 năm như trung học phổ thông.Thứ tư, trong chương trình học ở đại học đoản kỳ hay Cấp III chuyên nghiệp, nên có mục thực tập ngắn hạn ở các doanh nghiệp. Thứ năm, đầy mạnh tuyên truyền vai trò của đại học đoản kỳ và Cấp III chuyên nghiệp, cho giới trẻ thấy là tốt nghiệp ở các trường nói trên sẽ "nhất nghệ tinh nhất thân vinh", và có nhiều cơ hội tiến thân trong xã hội (có năng lực sẽ giữ các chức vụ cao trong công ty, v.v..)

Như đã phân tích ở Tiết I, trong tương lai cơ cấu nhu cầu lao động sẽ bị ảnh hưởng bởi tự động hóa và số hóa. Mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực phải theo hướng tạo những người lao động có khả năng tự học, tự thích nghi được với thay đổi của công nghệ và nhu cầu trên thị trường lao động.

Vài lời kết:

Việt Nam đã đạt mức thu nhập trung bình thấp vào năm 2008, hiện nay đang trên đường hướng đến mức trung bình cao. Trong thập niên tới với chiến lược chuyển dịch cơ cấu, với đào tạo theo hướng mới của lực lượng lao động trong giai đoạn dân số vàng, kinh tế Việt Nam có triển vọng phát triển nhanh. Tuy nhiên, trong thời đại mới mà thế giới phải sống chung với đại dịch, hình ảnh kinh tế Việt Nam trong tương lai sẽ không như tư duy cũ về các giai đoạn phát triển.

Theo thống kê của Ngân hàng Thế giới, năm 2018, GDP trên danh nghĩa của Việt Nam xếp thứ 47 và GDP tính theo sức mua ngang giá (PPP) xếp thứ 30 trên 193 nước. Hầu như các dự báo dài hạn đều cho thấy Việt Nam sẽ phát triển với tốc độ cao hơn nhiều nước. Việt Nam sẽ có vị trí và tiếng nói quan trọng hơn trên vũ đài thế giới. Nhưng uy tín, giá trị của Việt Nam không phải chỉ ở mặt đó. Trong thời đại mới với khả năng đại dịch sẽ tái phát, nếu Việt Nam xây dựng được một đất nước theo tư duy mới, mô hình mới và trên cơ sở một xã hội nhân văn thì người Việt Nam sẽ hạnh phúc hơn và thế giới sẽ tham khảo mô hình phát triển của ta./.

Tư liệu có trích dẫn:

1. Baldwin Richard (2016), *The Great Convergence: Information Technology and the New Globalization,* The Belknap Press of Harvard University Press.
2. McKinsey Global Institute (2017), J*obs Lost, Jobs Gained: Workforce Transition in a Time of Automation*, December, McKinsey & Company. https://www.mckinsey.com/~/media/BAB489A30B724BECB5DEDC41E9BB9FAC.ashx
3. McKinsey Global Institute (2020), *What 800 executives envision for the post-pandemic workforce?* September 23. https://www.mckinsey.com/featured-insights/future-of-work/what-800-executives-envision-for-the-postpandemic-workforce
4. Ohno Kenichi et. al. (2020), *Vietnam Productivity Report,* Preliminary Final Edition, September, VEPR and GRIPS, Hanoi and Tokyo.
5. Trần Văn Thọ (2016), *Cú sốc thời gian và Kinh tế Việt Nam,* Nhà xuất bản Tri thức, Hà Nội.
6. Trần Văn Thọ (2020a), 4000 ngày thay đổi Việt Nam, *Tuổi Trẻ* số Xuân 2020 (tháng 1).
7. Trần Văn Thọ (2020b), Làm gì để thu hút FDI chất lượng cao? *Thời báo kinh tế Saigon,* 3/9.
8. Tran Van Tho & Shunji Karikomi (2019), *Chushotoku-Koku no Wana to Chugoku ASEAN (Trung Quốc, ASEAN và Bẫy thu nhập trung bình)*, Keisoshobo, Tokyo.